

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/HOANGLE/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LÊ

Địa chỉ: Số 8, ngõ 5, Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 0904170182

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0106336627

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sâm lát mật ong hàn quốc

2. Thành phần: Hồng sâm (56%), đường Fructose, mật ong (4,4%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hạn sử dụng: In trên bao bì sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: 200 g/hộp, 30 hộp/thùng.

Chất liệu bao bì: Vỏ bao bì làm bằng chất liệu PE bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Công ty sản xuất: YUJIM KOREA RED GISENG CO.,LTD

Địa chỉ: 22 , Gungni 1- gil, Pungse- myeon, Dongnam-gu, Cheonan-si,

Chungcheongnam-do, Republic Korea- Hàn Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm



- QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm của Bộ trưởng Bộ Y tế

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10
3	<i>E. coli</i>	CFU/g	Không có
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	3
5	<i>C. perfringens</i>	CFU/g	Không có
6	<i>B. cereus</i>	CFU/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

2. Hàm lượng kim loại nặng phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm của Bộ trưởng Bộ Y tế

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	2.0
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Arsen (As)	mg/kg	1.0

3. Hàm lượng độc tố vi nấm trong thực phẩm phù hợp QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	g/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	g/kg	15

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

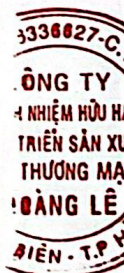
Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, Ngày 05 tháng 11 năm 2019
Đại diện công ty



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thùy Linh



NHÃN PHỤ:

Sâm lát mật ong Hàn Quốc

Thành phần: Hồng sâm (56%), đường Fructose, mật ong (Hàn Quốc) (4,4%).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp.

Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng, tránh ánh sáng trực tiếp

Thông tin cảnh báo an toàn:

Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Khối lượng tịnh: 200 g/ hộp, 30 hộp/thùng.

Xuất xứ: Hàn Quốc

Công ty sản xuất: YUJIM KOREA RED GISENG CO.,LTD

Địa chỉ: 22 , Gungni 1- gil, Pungse- myeon, Dongnam-gu, Cheonan-si,

Chungcheongnam-do, Republic Korea- Hàn Quốc.

Nhập khẩu và phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LÊ

Địa chỉ: Số 8, ngõ 5, Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

Số TCB: 10/HOANGLE/2019



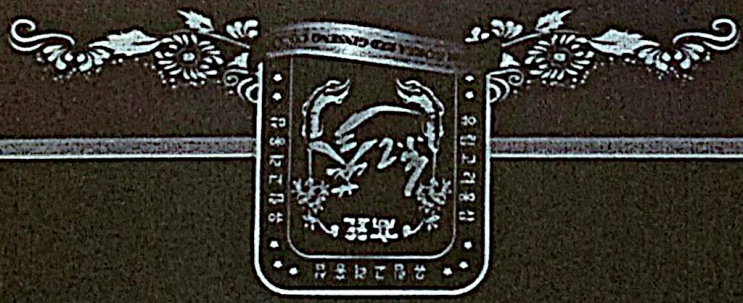
T.N.H.H ★ 10N

高麗紅蔘切片蔘
GOLD

NET WT. 200g (200g x 100%)

SLICED KOREAN RED GINSENG

高麗紅蔘切片蔘
공산전편삼
三



大韓民國特產品
紅蔘原產地: 大韓民國



高麗紅蔘切片蔘
GOLD

SLICED KOREAN RED GINSENG

SLICED KOREAN RED GINSENG

Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: HN210400077-4

1. Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG LÊ**
2. Địa chỉ/ Client's Address : **Số 17, ngách 55/14, ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội**
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 08/04/2021
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 08/04/2021
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 13/04/2021
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Sâm lát mật ong Hàn Quốc**
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu đựng trong bao bì kín**
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

**SCIENCE CO.,LTD**

ở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê
Thị Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Phone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: HN210400077-4

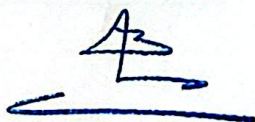
Trang/ Page No: 2/2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8844-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
3	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8848:2007 (ISO 4832:2006)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
6	Aflatoxin (tổng B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*) / Aflatoxin (sum of B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN MINH NHỰT

SCIENCE CO.,LTD

Số HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Nam
nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam
nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê
ng Tân, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam
phone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04